

**AGON**  
BY AOC

UNLEASH YOUR  
POTENTIAL

POWERED BY  
**Q27G4ZR**



The Q27G4ZR combines stunning QHD resolution with a blistering 240Hz refresh rate, overclockable to 260Hz, and a 1ms GtG response time on a Fast IPS panel for ultra-smooth, responsive gameplay. With HDR400, low input lag, and an eSports base design, every frame is crisp and fluid. Featuring an ergonomic stand, built-in speakers, and G-Menu software for customization, this monitor is built to enhance both performance and comfort in every session.

- **Độ phân giải QHD**
- **Trải nghiệm hiệu suất chơi game vô song và thống trị cuộc đấu với sức mạnh của công nghệ Fast IPS**
- **1ms Thời gian đáp ứng GTG - Grey-to-Grey**
- **Đồng bộ hóa thích ứng**
- **Giảm độ trễ đầu vào**
- **260Hz (OC240Native)**

## ĐỘ PHÂN GIẢI QHD

Với độ phân giải 2560 x 1440, Quad HD (QHD) mang đến chất lượng hình ảnh vượt trội và hình ảnh sắc nét thể hiện những chi tiết nhỏ nhất. Tỷ lệ khung hình 16:9 màn ảnh rộng cung cấp nhiều không gian để trải rộng và làm việc, đồng thời cho phép bạn thưởng thức các trò chơi hoặc phim ở kích thước gốc.



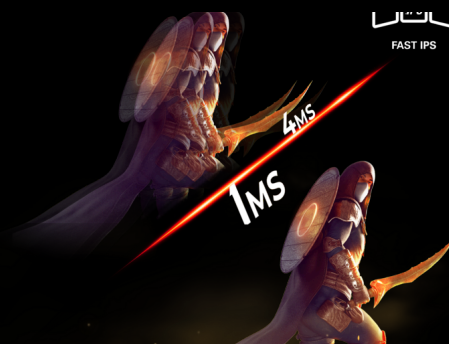


## TRẢI NGHIỆM HIỆU SUẤT CHƠI GAME VÔ SONG VÀ THỐNG TRỊ! CUỘC ĐẤU VỚI SỨC MẠNH CỦA CÔNG NGHỆ FAST IPS

Tốc độ nhanh gấp 4 lần so với tấm nền IPS thông thường, đảm bảo thời gian phản hồi 1ms (GTG) chất lượng hình ảnh hấp dẫn, với màu sắc rực rỡ và độ rõ nét đặc biệt, nâng cao hiệu suất trò chơi của bạn lên một tầm cao mới!

## 1MS THỜI GIAN ĐÁP ỨNG GTG - GREY-TO-GREY

GtG là viết tắt của Grey-To-Grey và biểu thị khoảng thời gian cần thiết để một pixel thay đổi giữa cấp độ xám này sang cấp độ xám tiếp theo. Trong trò chơi, mỗi mili giây đều có giá trị và có thể là yếu tố phân biệt giữa bắn trúng hay bắn trượt. Thời gian phản hồi nhanh cũng giúp loại bỏ hiện tượng bóng mờ và chuyển động mờ.



## ĐỒNG BỘ HÓA THÍCH ỨNG

Adaptive Sync là tính năng giúp đồng bộ tần số quét đọc của màn hình với tốc độ khung hình được cung cấp trên GPU, giúp trải nghiệm chơi game trở nên mượt mà hơn bằng cách loại bỏ hiện tượng giật hình, xé hình và giật hình.

## GIẢM ĐỘ TRỄ ĐẦU VÀO

Tăng cường phản xạ của bạn bằng cách chuyển sang chế độ Low Input Lag trên màn hình AOC. Chế độ này sẽ tinh chỉnh lại màn hình để tối ưu thời gian phản hồi, mang lại lợi thế tuyệt đối trong các tình huống đấu súng đòi hỏi phản xạ nhanh nhạy.





## 260HZ (OC240NATIVE)

260Hz (OC,240Native) completely unleashes top end GPUs, bringing unprecedented fluidity to the picture on your screen. With every detail brought sharply into focus and every movement shown with crystal clarity, feel your reactions become one with the action and elevate your game.

| TỔNG QUAN     |               | HIỂN THỊ THÔNG TIN               |                          | TÍNH NĂNG VIDEO                       |                                   |
|---------------|---------------|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------|
| Tên mẫu       | Q27G4ZR       | Kích thước màn hình (inch)       | 27,0                     | Công nghệ đồng bộ (VRR)               | Adaptive Sync                     |
| Thương hiệu   | AOC           | Kích thước màn hình (cm)         | 68,58                    | NVIDIA G-SYNC™                        | NVIDIA G-SYNC Compatible          |
| Kênh          | Gaming        | Phẳng/Cong                       | Flat                     | Tần số tín hiệu số dọc                | HDMI: 48~144Hz / DP: 48~260Hz     |
| Dòng sản phẩm | AOC Gaming    | Xử lý bảng điều khiển            | Antiglare (AG)           | Tần số tín hiệu số ngang              | HDMI: 30k~230kHz / DP: 30k~400kHz |
| Dòng thiết kế | G4            | Mật độ điểm ảnh (mm)             | 0,2331                   | HDR (Dải tương phản động rộng)        | VESA Certified DisplayHDR™ 400    |
| EAN           | 4038986182973 | Điểm ảnh trên mỗi inch           | 108,8                    | Công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh       | Low Blue Mode                     |
|               |               | Độ phân giải của bảng điều khiển | 2560x1440                | Không gian màu (sRGB) CIE 1976 %      | 123,6                             |
|               |               | Tỷ lệ khung hình                 | 16:9                     | Không gian màu (DCI-P3) CIE 1976 %    | 95,2                              |
|               |               | Loại bảng điều khiển             | Fast IPS                 | Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1976 % | 91,4                              |
|               |               | Loại đèn nền                     | WLED                     | Flicker-Free                          | Flicker Free                      |
|               |               | Max Tốc độ làm mới               | 260Hz (OC, 240Hz Native) | THÔNG TIN TỦ                          |                                   |
|               |               | Thời gian phản hồi GtG           | 1 ms                     | Màu viền (mặt trước)                  | Black                             |
|               |               | Thời gian phản hồi MPRT          | 0.3 ms                   | Màu tủ (mặt sau)                      | Black, Red                        |
|               |               | Tỷ lệ tương phản tĩnh            | 1000:1                   | Lớp hoàn thiện tủ (mặt sau)           | Matt                              |
|               |               | Tỷ lệ tương phản động            | 80M:1                    | Chân đế có thể tháo rời               | Có                                |
|               |               | Góc nhìn (CR10)                  | 178/178                  | Công suất loa                         | 2 W x 2                           |
|               |               | Màu sắc màn hình hiển thị        | 16.7 Million             | Khóa Kensington                       | Có                                |
|               |               | Brightness in nits               | 400 cd/m²                | Giá treo tường Vesa                   | 100x100                           |

| CÔNG THÁI HỌC                    |                                                                          | CÔNG SUẤT TIÊU THỤ                                       |                     | KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM                                  |                               |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Nghiêng                          | -3° ±2° ~ 21° ±2°                                                        | Nguồn cấp điện                                           | Internal            | Kích thước sản phẩm bao gồm cả đế (RxCxS) mm         | 613.9 x (386.1~516.1) x 207.7 |
| Điều chỉnh chiều cao (mm)        | 130mm                                                                    | Công suất tiêu thụ khi bật (thông thường) tính bằng watt | 30,0                | Kích thước sản phẩm không bao gồm đế (RxCxS) mm      | 613.9 x 366.31 x 51.28        |
| Khớp xoay                        | 28° ±2° ~28° ±2°                                                         | Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ tính bằng watt           | 0,3                 | Kích thước đóng gói (RxCxS) mm                       | 822 x 481 x 162               |
| Trục                             | 90° ±2° ~ 90° ±2°                                                        | Công suất tiêu thụ khi tắt tính bằng watt                | 0,3                 | Tổng trọng lượng bao gồm cả bao bì (tính bằng kg)    | 8,76                          |
| TÍNH NĂNG CHƠI TRÒ CHƠI          |                                                                          | Lớp năng lượng                                           | F                   | Trọng lượng tịnh không bao gồm bao bì (tính bằng kg) | 5,32                          |
| Phong cách chơi trò chơi         | Shooters, MMORPG, Action, eSports, RTS, FPS (eSports), Beat'm up, Racing | TUÂN THỦ QUY ĐỊNH                                        |                     | Sản phẩm không kèm chân đế (kg)                      | 3,45                          |
| Chế độ chơi                      | RTS, FPS, Racing, Gamer 1, Gamer 2, Off                                  | CB                                                       | Có                  | TRONG HỘP CÓ NHỮNG GÌ                                |                               |
| Sự tiện lợi khi chơi trò chơi    | G-menu                                                                   | CE                                                       | Có                  | Cáp HDMI                                             | 1.8                           |
| PS5 Compatibility                | 2560x1440@120Hz                                                          | TUV-Bauart-Mark                                          | Có                  | Cáp nối cổng màn hình hiển thị                       | 1.8                           |
| Xbox X Compatibility             | 2560x1440@120Hz                                                          | ISO 9241-307                                             | Có                  | Cáp điện                                             | Có                            |
| Xbox S Compatibility             | 2560x1440@120Hz                                                          | EAC                                                      | Có                  | THÔNG TIN KHÁC                                       |                               |
| SỰ BỀN VỮNG                      |                                                                          | FCC                                                      | Có                  | Thời hạn bảo hành                                    | 3 years                       |
| Chứng nhận TCO                   | No                                                                       | UKCA                                                     | Có                  | THÔNG TIN KẾT NỐI                                    |                               |
| WEEE                             | Có                                                                       | HDMI                                                     | HDMI 2.0 x 2        | HDCEP kỹ thuật số (phiên bản HDMI)                   | HDCEP 2.3                     |
| Tuân thủ quy định REACH          | Có                                                                       | Cổng màn hình hiển thị                                   | DisplayPort 1.4 x 1 | Đầu ra âm thanh                                      | Headphone out (3.5mm)         |
| Tuân thủ chỉ thị RoHS            | Có                                                                       | DP HDCP version                                          | HDCP 2.3            |                                                      |                               |
| Vỏ không chứa PVC/BFR            | Có                                                                       |                                                          |                     |                                                      |                               |
| Không chứa thủy ngân             | Có                                                                       |                                                          |                     |                                                      |                               |
| Vật liệu đóng gói có thể tái chế | 100 % recycable                                                          |                                                          |                     |                                                      |                               |